

Số: 276/BC-SNNPTNT

Ninh Thuận, ngày 20 tháng 5 năm 2020

BÁO CÁO
TỔNG KẾT, ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2016-2020
VÀ ĐỀ XUẤT THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN 2021-2025

Thực hiện chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tại văn bản số 1646/VPUB-KTTH ngày 14/5/2020 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh về tiến độ báo cáo năm 2020 và báo cáo, tổng kết các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Cơ quan thường trực Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020) báo cáo như sau:

Phần thứ nhất

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG
XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2016-2020

I. Công tác quản lý, điều hành thực hiện chương trình

1. Vai trò chỉ đạo, điều hành của các cấp, các ngành trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020.

Thực hiện Chương trình giai đoạn 2016-2020, Tỉnh ủy đã ban hành nhiều văn bản có liên quan để tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo góp phần thực hiện có kết quả mục tiêu, chỉ tiêu Chương trình xây dựng nông thôn mới¹. Trên cơ sở các văn bản hướng dẫn của Trung ương và chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành các văn bản liên quan phục vụ công tác quản lý, điều hành.

Vai trò chỉ đạo, điều hành của các cấp, các ngành được thể hiện qua các mặt: Xác định được những vấn đề tồn tại, yếu kém giai đoạn 2010-2015 để khắc phục; phát huy những mặt tích cực và những vấn đề trọng tâm giai đoạn 2016-2020 để thực hiện theo hướng nâng cao chất lượng, ổn định và bền vững. Nâng cao tính dân chủ trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình, biết lắng nghe ý kiến của nhân dân, tuyệt đối không áp đặt trong quá trình vận động, thuyết phục cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân tham gia thực hiện. Nhân

¹ Tỉnh ủy ban hành: Chỉ thị số 33-CT/TU ngày 16/02/2017 về việc tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn tỉnh; Thông báo số 480-TB/TU ngày 15/11/2018 về Kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về kết quả kiểm tra thực hiện Nghị quyết số 02-NQ/TU về tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng thực hiện chủ trương xây dựng nông thôn mới đến năm 2020; Thông báo số 480-TB/TU ngày 15/11/2018 kết luận Hội nghị đánh giá kết quả 07 năm thực hiện Nghị quyết số 02-NQ/TU về tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng thực hiện chủ trương xây dựng nông thôn mới đến năm 2020;

dân được lấy ý kiến trong việc xây dựng và công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới; Đoàn kết thống nhất ý chí và hành động trong toàn hệ thống chính trị trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới tại địa phương. Tạo điều kiện và phát huy được tối đa vai trò, chức năng, nhiệm vụ của Mặt trận và các đoàn thể nhân dân trong quá trình tuyên truyền, vận động quần chúng nhân dân tham gia xây dựng nông thôn mới.

2. Ban hành các cơ chế, chính sách và văn bản hướng dẫn thực hiện Chương trình

Trên cơ sở các văn bản, quy định của Trung ương, UBND tỉnh tiếp tục ban hành các văn bản liên quan để triển khai thực hiện như: Cơ chế quản lý và phân cấp thực hiện chương trình; Quy định quản lý, sử dụng nguồn vốn huy động hợp pháp thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Danh mục dự án áp dụng cơ chế đầu tư đặc thù; Đề án chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn giai đoạn 2017-2020; Bộ Tiêu chí cấp xã (xã nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao, xã nông thôn mới kiểu mẫu), cấp thôn (thôn nông thôn mới, thôn nông thôn mới kiểu mẫu)...và trong quá trình thực hiện luôn có sự điều chỉnh, bổ sung để phù hợp với thực tế. Các văn bản chỉ đạo được ban hành đáp ứng công tác chỉ đạo, điều hành, hạn chế những bất cập của giai đoạn trước và có tác động tích cực đến thực hiện chương trình (Chi tiết theo phụ biểu số 01).

3. Hệ thống bộ máy chỉ đạo thực hiện Chương trình

a) Tổ chức bộ máy chỉ đạo Chương trình từ cấp tỉnh đến huyện, xã

Thực hiện Quyết định số 41/2016/QĐ-TTg ngày 10/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về Quy chế quản lý, điều hành thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia, UBND tỉnh đã chỉ đạo các địa phương rà soát, kiện toàn lại Ban Chỉ đạo các cấp theo hướng hợp nhất chỉ thành lập 01 Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020 và do Chủ tịch UBND các cấp làm trưởng ban. Ban chỉ đạo cấp tỉnh, huyện được kiện toàn, tổ chức lại vào cuối năm 2016, đầu năm 2017 và đều ban hành quy chế làm việc, chương trình công tác hàng năm để tổ chức quản lý, điều hành thực hiện Chương trình. Riêng huyện Ninh Hải cuối năm 2019 đã tổ chức lại Ban chỉ đạo và do Bí thư Huyện ủy làm Trưởng ban².

Đối với cấp xã: 47/47 xã cũng đã kiện toàn, thành lập Ban quản lý dự án các Chương trình mục tiêu quốc gia và do Chủ tịch UBND xã làm trưởng ban.

b) Kết quả kiện toàn bộ máy Văn phòng Điều phối các cấp theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 1920/QĐ-TTg ngày 05/10/2016

Thực hiện Quyết định số 1920/QĐ-TTg ngày 05/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 160/QĐ-UBND ngày 30/5/2017 phê duyệt Đề án kiện toàn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức, biên chế của Văn phòng điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây

² Quyết định số 2486-QĐ/HU ngày 18/12/2019 của Huyện ủy Ninh Hải

dựng nông thôn mới các cấp giai đoạn 2016-2020 tỉnh Ninh Thuận (viết tắt là Văn phòng điều phối nông thôn mới). Trên cơ sở đề án được duyệt, Văn phòng điều phối nông thôn mới tỉnh và các huyện đã tổ chức, kiện toàn lại. Riêng đối với cấp xã vẫn chủ yếu là cán bộ kiêm nhiệm theo dõi chương trình, chưa bố trí cán bộ chuyên trách đầy đủ theo như quy định.

4. Nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới

Đội ngũ công chức chuyên trách nông thôn mới cấp tỉnh, huyện được bố trí tham gia các lớp tập huấn, đào tạo tiêu giáo viên nông thôn mới do Văn phòng điều phối nông thôn mới Trung ương tổ chức để làm nòng cốt, đào tạo tập huấn lại cho cán bộ cơ sở³.

Giai đoạn 2016-2019, Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh, huyện đã phối hợp cùng các sở, ngành liên quan mở được 34 lớp tập huấn cho 1.776 lượt học viên là cán bộ, công chức các ngành, các cấp, các hội, đoàn thể, cán bộ hợp tác xã theo chương trình khung đào tạo cán bộ nông thôn mới do Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành có cập nhật tình hình thực tế của địa phương. Ngoài ra trong quá trình thực hiện, các địa phương đã chủ động tổ chức nhiều đoàn tham quan, học hỏi kinh nghiệm lẫn nhau trong và ngoài tỉnh.

Qua quá trình tập huấn và học tập kinh nghiệm, đội ngũ cán bộ tham gia thực hiện chương trình đã có những đóng góp tích cực hơn; vận dụng và sáng tạo những kinh nghiệm trong quá trình thực hiện phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, nhất là trong công tác tuyên truyền, vận động, huy động nguồn lực... Tuy nhiên, do nguồn kinh phí có hạn nên đối tượng được tập huấn còn hạn chế, chủ yếu là cán bộ phụ trách nông thôn mới xã, bí thư chi bộ và trưởng thôn. Các thành viên hội, đoàn thể và Ban Phát triển thôn ít được tham gia. Đội ngũ tiêu giáo viên ít được tập huấn, bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kỹ năng giảng dạy và cập nhật thông tin về chương trình.

5. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về xây dựng nông thôn mới

Hàng năm, Mặt trận và các hội, đoàn thể các cấp đã phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn phòng điều phối nông thôn mới tỉnh, huyện triển khai các hoạt động tuyên truyền cụ thể phù hợp với từng đơn vị; tổ chức nhiều hoạt động tuyên truyền với nhiều hình thức khác nhau (tuyên truyền miệng; tuyên truyền trực quan bằng Pa-nô, áp-phích; tuyên truyền thông qua hội thi, phong trào; tuyên truyền thông qua các phương tiện thông tin truyền

³ Năm 2016: 47 công chức các cấp tham gia lớp tập huấn sử dụng phần mềm báo cáo trực tuyến về chương trình xây dựng NTM tại thành phố Nha Trang; Năm 2017: 07 công chức cấp tỉnh, huyện tham gia lớp tập huấn tổ chức tại Ninh Thuận dành cho 13 tỉnh vùng Duyên Hải Nam trung bộ và Tây Nguyên; Năm 2018: 03 công chức cấp tỉnh, huyện tham gia lớp tập huấn Chương trình OCOP ở Đồng Nai và 08 CC tham gia lớp TOT ở Quảng Nam và năm 2019: 03 công chức cấp tỉnh, huyện tham gia lớp tập huấn Chương trình OCOP ở Cần Thơ

thông đại chúng...)⁴ gắn với các cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”, “Cả nước chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau”, “Xây dựng gia đình 5 không 3 sạch” và các Phong trào thi đua “Toàn dân chung sức xây dựng nông thôn mới”, Phong trào thi đua “Dân vận khéo”, phong trào “Phụ nữ tích cực học tập, lao động sáng tạo, xây dựng gia đình hạnh phúc”, phong trào “Tuổi trẻ Ninh Thuận chung tay xây dựng nông thôn mới” và các hội thi do các Hội, Đoàn thể tổ chức, ...qua đó đã tạo sức lan tỏa, sự đồng thuận và không khí thi đua sôi nổi rộng khắp trong địa bàn dân cư; góp phần thay đổi tư duy từ trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ của Nhà nước sang tư duy xây dựng nông thôn mới phải do cộng đồng dân cư làm chủ, người dân phải là chủ thể thực hiện chương trình; huy động nội lực là chính với sự hỗ trợ một phần của Nhà nước và được thể hiện sinh động qua sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị-xã hội từ tỉnh đến cơ sở; sự tham gia góp công, góp sức, hiến đất... của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, cộng đồng dân cư trong quá trình xây dựng nông thôn mới.

6. Giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình

Công tác kiểm tra, giám sát được các cấp ủy Đảng cũng như chính quyền tổ chức thực hiện hàng năm theo kế hoạch. Qua kiểm tra, giám sát đã tháo gỡ kịp thời những khó khăn, vướng mắc của cơ sở trong quá trình thực hiện chương trình. Hội đồng nhân dân, Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh và các đoàn thể chính trị-xã hội cũng thường xuyên tổ chức các đợt giám sát định kỳ, đột xuất và tham gia phản biện xã hội trong quá trình tổ chức thực hiện chương trình; góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả xây dựng nông thôn mới⁵.

Trong năm 2019, Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh đã chủ trì, phối hợp cùng các đoàn thể, các sở, ngành liên quan thực hiện giám sát, đánh giá kết quả thực hiện, duy trì chất lượng các tiêu chí tại 16 xã đạt chuẩn nông thôn mới theo Bộ Tiêu chí cũ giai đoạn 2010-2015; đề xuất, góp ý những giải pháp, cách làm hiệu quả để các địa phương duy trì, nâng cao chất lượng tiêu chí. Qua kết quả khảo sát, giám sát tại các xã đã công nhận đạt chuẩn, đa số hộ dân đều hài lòng

⁴ Sở Nông nghiệp và PTNT cùng Hội LHPN tỉnh ký kết chương trình phối hợp “Về đây mạnh các hoạt động, tuyên truyền, vận động, hỗ trợ phụ nữ tham gia xây dựng nông thôn mới gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2018-2020”; Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh tổ chức tập huấn các chuyên đề triển khai công tác mặt trận hàng năm gắn với cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng NTM, đô thị văn minh”; hàng năm Hội Nông dân tỉnh tổ chức hội thi nhà nông đua tài gắn với xây dựng NTM; Tỉnh Đoàn phát động phong trào “Tuổi trẻ Ninh Thuận chung tay xây dựng nông thôn mới”; Sở Văn hóa, TT và DL đã chủ trì phối hợp cùng Sở Nông nghiệp và PTNT, VPĐPNTM tỉnh và các xã đã đạt chuẩn NTM tổ chức Hội thi “Văn nghệ - Thể thao” các xã NTM lần thứ I và lần thứ II; VPĐP tỉnh lắp đặt mới 06 cụm Panô cấp huyện, 47 cụm pa nô cấp xã các pa nô tuyên truyền xây dựng thí điểm 02 khu dân cư kiểu mẫu tại các thôn Ninh Quý 2, An Nhơn và các pa nô tuyên truyền xây dựng thí điểm 02 khu dân cư kiểu mẫu tại các thôn Ninh Quý 2, An Nhơn...

⁵ Sở Nông nghiệp và PTNT cùng Hội Nông dân tiến hành giám sát việc thực hiện Nghị quyết Liên tịch số 08NQLT/HND-BNN về việc hỗ trợ nông dân phát triển kinh tế nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2012-2020; Hội Nông dân cùng Hội LHPN giám sát Chương trình phối hợp tuyên truyền, vận động sản xuất, kinh doanh nông sản thực phẩm an toàn vì sức khỏe cộng đồng giai đoạn 2017-2020.

về hiệu quả của Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới; đời sống của người dân có nhiều chuyển biến tích cực hơn so với trước; người dân mong muốn và đồng thuận cao trong việc tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng chương trình trong thời gian tới với tỷ lệ trên 77%.

7. Huy động và sử dụng nguồn lực xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020

Tổng nguồn lực huy động thực hiện chương trình giai đoạn 2016 - 2020 ước đạt 2.842.722 triệu đồng (Chi tiết theo các phụ biểu số 5.1, 5.2, 5.3). Trong đó nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước (không tính lồng ghép từ các chương trình, dự án khác) bình quân/xã giai đoạn 2016-2020 tăng gấp 6,55 lần so với giai đoạn 2010-2015. Cụ thể như sau:

DVT: triệu đồng

	Giai đoạn 2010-2015	Giai đoạn 2016-2020
Số xã	47	47
Vốn đầu tư từ NSNN	134.084	878.067
Bình quân vốn đầu tư/xã	2.853	18.682

II. Kết quả thực hiện Chương trình giai đoạn 2016-2020

1. Kết quả đạt chuẩn nông thôn mới

TT	Số đơn vị được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới	Đến hết năm 2019	Dự kiến hết năm 2020
I	Đạt chuẩn nông thôn mới		
1	Số thôn được công nhận đạt chuẩn NTM		05
2	Số xã được công nhận đạt chuẩn NTM	25	28
3	Số huyện đạt chuẩn NTM/ Thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM (1)	01	03
4	Số tiêu chí bình quân/xã	15,49	16,5
5	Số xã đạt theo nhóm tiêu chí		
	- Đạt 19 tiêu chí (2)	17	28
	- Từ 15-18 tiêu chí (3)	12	06
	- Từ 10 -14 tiêu chí	11	13
	- Dưới 10 tiêu chí	7	
II	Kết quả thực hiện một số tiêu chí NTM nâng cao		
1	Số thôn (khu dân cư) đạt NTM kiểu mẫu		02
2	Số xã đạt chuẩn NTM nâng cao		05

3	Số xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu		
4	Số huyện đạt chuẩn NTM nâng cao		

(1) Năm 2019 có 01 huyện đạt chuẩn nông thôn mới đang trình Trung ương thẩm định.

(2) Trong nhóm xã đạt 19 tiêu chí có 01 xã (Vĩnh Hải) dự kiến công nhận đạt chuẩn năm 2020.

(3) Trong nhóm xã đạt từ 15-18 tiêu chí có 09 đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới

(Chi tiết theo Phụ biểu số 02)

2. Kết quả thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới.

Thực hiện Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ Tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020, Ủy ban nhân dân tỉnh đã cụ thể hóa thành Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới có phân loại nhóm xã để áp dụng trên địa bàn tỉnh⁶ (quy định phù hợp với thực tế địa phương đối với những tiêu chí, chỉ tiêu phân cấp cho UBND cấp tỉnh quy định). Kết quả thực hiện Bộ Tiêu chí như sau:

a) Nhóm I - Quy hoạch: 100% các xã đã hoàn thành tiêu chí quy hoạch.

b) Nhóm II - Hạ tầng Kinh tế - Xã hội (gồm các tiêu chí từ số 2 - số 9):

Về cơ bản các xã đã hoàn thành khá tốt các tiêu chí thuộc nhóm này. Tuy nhiên vẫn còn nhiều xã, nhất là các xã đặc biệt khó khăn chưa đạt các tiêu chí về trường học, cơ sở vật chất văn hóa, nhà ở dân cư; tỷ lệ đạt các tiêu chí này từ 74,5 % đến gần 79%.

c) Nhóm III – Kinh tế và Tổ chức sản xuất (gồm các tiêu chí từ số 10 đến số 13): Do các tiêu chí thuộc nhóm này là tiêu chí cứng, không phân cấp cho địa phương quy định và yêu cầu tiêu chí khá cao nên đây là nhóm tiêu chí khó thực hiện, nhất là các xã đặc biệt khó khăn đối với các tiêu chí về thu nhập, hộ nghèo và Tổ chức sản xuất⁷. Một số xã trước đây đạt tiêu chí về Tổ chức sản xuất nhưng trong quá trình hoạt động do làm ăn thua lỗ, các hợp tác xã ngừng hoạt động, giải thể dẫn đến xã không duy trì được tiêu chí này, phải tuyên truyền, vận động thành lập mới hợp tác xã để đảm bảo duy trì tiêu chí.

d) Nhóm IV- Văn hóa – Xã hội – Môi trường (gồm các tiêu chí từ số 14 đến số 17): Nhìn chung các xã thực hiện khá tốt các tiêu chí thuộc nhóm này, duy chỉ có tiêu chí Môi trường là đạt khá thấp so với các tiêu chí khác trong nhóm. Bên cạnh đó tiêu chí về y tế (tỷ lệ người dân tham gia BHYT) cũng chưa được duy trì tốt, tỷ lệ tham gia BHYT thường thay đổi, biến động từng năm.

⁶ Quyết định số 41/2017/QĐ-UBND ngày 31/5/2017 của UBND tỉnh ban hành Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới vùng nông thôn tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2017-2020.

⁷ Huyện nghèo 30a Bác Ái không có xã nào đạt các tiêu chí về Thu nhập, Hộ nghèo; tỷ lệ đạt các tiêu chí này toàn tỉnh mới đạt từ 53-55%.

đ) Nhóm V- Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật: Các tiêu chí thuộc nhóm này khó duy trì, giữ vững trong quá trình thực hiện (*Không để xảy ra trọng án trên địa bàn*) và một số chỉ tiêu không phù hợp với một số văn bản hướng dẫn thực hiện hiện hành như: Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn “Trong sạch, vững mạnh” (*Tiêu chí số 18*); 100% thôn đội trưởng là đảng viên (*Tiêu chí số 19*).

3. Kết quả thực hiện tiêu chí huyện nông thôn mới

Thực hiện Nghị quyết của Tỉnh ủy và Kế hoạch thực hiện chương trình giai đoạn 2016-2020, cả tỉnh phấn đấu có từ 01- 02 huyện đạt chuẩn huyện nông thôn mới. Trong đó năm 2019 xây dựng huyện Ninh Phước đạt chuẩn (*đang trong quá trình lấy ý kiến người dân, hoàn thiện hồ sơ trình thẩm định*) và năm 2020 xây dựng huyện Ninh Hải đạt chuẩn nông thôn mới. Kết quả thực hiện tiêu chí huyện nông thôn mới như sau:

TT	Tên Tiêu chí huyện nông thôn mới	Số huyện đạt tiêu chí
1	Quy hoạch	1/6
2	Giao thông	2/6
3	Thủy lợi	2/6
4	Điện	6/6
5	Y tế - Văn hóa- Giáo dục	1/6
6	Sản xuất	1/6
7	Môi trường	2/6
8	An ninh, trật tự xã hội	2/6
9	Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới	2/6

4. Kết quả thực hiện các chương trình, đề án đặc thù trong xây dựng nông thôn mới.

a) Đề án Hỗ trợ thôn, bản đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 1385/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ

Ninh Thuận có 09 thôn của 02 xã Phước Hải (*huyện Ninh Phước*) và Phước Dinh (*huyện Thuận Nam*) thuộc phạm vi của Đề án. Thực hiện Đề án, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 279/QĐ-UBND ngày 18/7/2019 Ban hành Bộ tiêu chí và Quy định việc đánh giá, công nhận, công bố Thôn đạt chuẩn "Thôn nông thôn mới", "Thôn nông thôn mới kiểu mẫu" trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2019-2020 để các thôn thuộc phạm vi đề án và toàn bộ các thôn trên địa bàn tỉnh áp dụng, thực hiện.

Từ nguồn vốn trực tiếp của Chương trình đã phân bổ cho 02 xã 9.370 triệu đồng để đầu tư các công trình thiết yếu trên địa bàn các thôn (*chủ yếu là đường giao thông và nâng cấp nhà văn hóa thôn*) đồng thời phân bổ nguồn vốn

sự nghiệp hỗ trợ các xã, thôn phát triển sản xuất. Theo kế hoạch, dự kiến năm 2020 sẽ có 05 thôn thuộc 02 xã đạt chuẩn thôn nông thôn mới.

b) Chương trình Mỗi xã một sản phẩm

Đề án Chương trình Mỗi xã một sản phẩm được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 59/QĐ-UBND ngày 14/01/2019. Do Đề án được duyệt sau thời điểm phân bổ nguồn vốn chương trình nông thôn mới năm 2019 nên trong năm 2019 chưa bố trí kinh phí của chương trình để thực hiện các nội dung, nhiệm vụ theo Đề án được duyệt. Tuy nhiên các Sở, ban, ngành, địa phương đã chủ động lồng ghép nguồn lực từ các Chương trình, dự án bám sát mục tiêu Đề án OCOP để thực hiện.

Để triển khai đề án hiệu quả và phù hợp với thực tế địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh đã thành lập Ban Phát triển sản phẩm OCOP và đặc thù tỉnh Ninh Thuận⁸ và Ban Phát triển sản phẩm đã ban hành Kế hoạch nhiệm vụ năm 2020⁹ tập trung vào các công việc trọng tâm của chương trình gồm: tuyên truyền; đào tạo, tập huấn cho cán bộ, chủ thể tham gia OCOP; xây dựng hệ thống tổ chức các cấp; hỗ trợ phát triển sản phẩm, xúc tiến thương mại; hỗ trợ xây dựng đăng ký sở hữu trí tuệ, đăng ký bảo hộ nhãn hiệu chứng nhận OCOP Ninh Thuận... Phần đầu trong năm 2020 tiêu chuẩn hóa ít nhất 11 trong 12 sản phẩm đặc thù của tỉnh, trong đó nâng cao giá trị từ 03-05 sản phẩm OCOP đạt chuẩn từ 3-5 sao theo chuẩn đánh giá chương trình OCOP (dự kiến: Nho, Táo, Tỏi, Măng tây, Thổ cẩm Mỹ Nghiệp).

c) Xây dựng thí điểm Đề án nông thôn mới trong quá trình đô thị hóa tại huyện Ninh Hải

Đề án xây dựng nông thôn mới trong quá trình đô thị hóa trên địa bàn huyện Ninh Hải giai đoạn 2017-2020 do Viện Quy hoạch xây dựng Miền Nam làm tư vấn đã trình thẩm định cấp tỉnh tháng 12/2019 nhưng chưa đạt yêu cầu và cần hoàn thiện, bổ sung lại theo góp ý của các sở, ngành liên quan. Hiện nay, đơn vị tư vấn và Chủ đầu tư đang hoàn thiện để trình thẩm định lại và tổ chức triển khai thực hiện sau khi Đề án được duyệt.

III. Đánh giá kết quả chung đạt được và những tồn tại, hạn chế

Mặc dù việc triển khai thực hiện chương trình nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 còn gặp nhiều khó khăn do bắt đầu áp dụng các văn bản mới và một số văn bản ban hành chậm; nguồn vốn hỗ trợ từ chương trình chưa đáp ứng nhu cầu, nhất là vốn đầu tư cơ sở hạ tầng; Bộ tiêu chí mới bổ sung thêm nhiều nội dung và yêu cầu cao hơn so với Bộ Tiêu chí cũ... nhưng các địa phương đã chủ động triển khai thực hiện với nhiều giải pháp phù hợp để giữ vững, nâng chất các tiêu chí đã đạt và phần đầu hoàn thành các tiêu chí chưa đạt.

1. Những mặt được

⁸ Quyết định số 1809/QĐ-UBND ngày 12/11/2019

⁹ Kế hoạch số 352/KH-BPTSPNT ngày 12/02/2020

a) Về hoạt động quản lý, điều hành:

Bộ máy Ban chỉ đạo và giúp việc đã được kiện toàn, tổ chức lại theo quy định, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của Chương trình; là nòng cốt tổ chức thực hiện chương trình với hiệu quả cao, chất lượng. Đội ngũ cán bộ vận hành chương trình, đặc biệt là đội ngũ cán bộ cơ sở đã có tiến bộ rõ rệt, nhận thức đầy đủ hơn và chỉ đạo có hiệu quả hơn.

Sự phối hợp giữa Mặt trận và các đoàn thể, các Sở, ngành với địa phương ngày một tốt hơn. Các đơn vị theo sự phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh phụ trách tiêu chí, hỗ trợ các xã, huyện đạt chuẩn đã chủ động phối hợp, hỗ trợ; kịp thời tháo gỡ khó khăn vướng mắc của địa phương, góp phần nâng cao hiệu quả, chất lượng thực hiện chương trình.

b) Về thực hiện các chỉ tiêu, mục tiêu cụ thể của Chương trình

Các chỉ tiêu, mục tiêu cụ thể về huyện, xã đạt chuẩn nông thôn mới; tiêu chí bình quân/xã hàng năm và giai đoạn cơ bản đều đạt theo kế hoạch và đã có xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang (*các xã An Hải, Phước Hải*) được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới. Tính đến hết năm 2019 toàn tỉnh có 25 xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, đạt tỷ lệ 53,2%, tiêu chí bình quân/xã đạt 15,49 tiêu chí/xã và 01 huyện đạt chuẩn nông thôn mới (*đang hoàn thiện hồ sơ trình thẩm định*), vượt chỉ tiêu kế hoạch giai đoạn 2016-2020 của Thủ tướng Chính phủ giao và Nghị quyết của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh¹⁰ trước 01 năm.

c) Một số kết quả nổi bật so với giai đoạn 2010-2015

- *Về Cơ chế chính sách*: Trên cơ sở các văn bản hướng dẫn của Trung ương và điều kiện thực tế của địa phương, tỉnh đã kịp thời ban hành các cơ chế, chính sách tương đối toàn diện đáp ứng yêu cầu, quản lý điều hành. Nổi bật như cơ chế quản lý và phân cấp thực hiện các chương trình MTQG; Đề án chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn giai đoạn 2017-2020 (*Hỗ trợ nhân rộng tưới tiết kiệm nước; Chuyển đổi lúa nước kém hiệu quả sang cây nho, cây táo, cây trồng cạn; Phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm, cánh đồng lớn; Áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt*); Đề án về chính sách hỗ trợ nhân rộng các mô hình sản xuất có hiệu quả, gắn với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới... đồng thời có sự điều chỉnh, bổ sung kịp thời phù hợp với tình hình thực tế; tạo sự chủ động cho các ngành, các cấp trong quá trình thực hiện chương trình.

- *Về đầu tư kết cấu hạ tầng nông thôn*: Kết cấu hạ tầng nông thôn tiếp tục được đầu tư, nâng cấp, nhất là các công trình hạ tầng thiết yếu như: giao thông, điện, trường học, trạm y tế, nước sạch, thủy lợi ... góp phần tạo điều kiện phát triển sản xuất, thay đổi bộ mặt nông thôn ngày một khang trang, hiện đại.

¹⁰ Quyết định 1865/QĐ-TTg ngày 23/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ giao chỉ tiêu giai đoạn 2016-2020: 25 xã đạt chuẩn nông thôn mới, tỷ lệ 53,2%; bình quân tiêu chí là 15,19 tiêu chí/xã. Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 24/5/2011 của Tỉnh ủy giao nhiệm vụ đến năm 2020 có trên 50% số xã (24 xã) đạt chuẩn nông thôn mới.

- *Về phát triển sản xuất*: Đã tổ chức triển khai thực hiện tốt Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp của tỉnh và gắn kết có hiệu quả việc thực hiện đề án với chương trình xây dựng nông thôn mới; đã từng bước ứng dụng có hiệu quả tiến bộ khoa học-kỹ thuật vào sản xuất, nhất là đẩy mạnh ứng dụng tưới tiết kiệm góp phần giải quyết tình trạng khô hạn, thiếu nước trong sản xuất tại địa phương; hình thành các vùng sản xuất tập trung và phát huy được lợi thế, thế mạnh về các sản phẩm đặc thù của địa phương.

- *Sự hài lòng của người dân*: Thực hiện hướng dẫn của Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam, khi thẩm định hồ sơ công nhận địa phương đạt chuẩn, MTTQ các cấp đều tiến hành lấy ý kiến về sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới và đều nhận được tỷ lệ người dân hài lòng vượt tỷ lệ theo quy định.

2. Tồn tại, hạn chế

- Vẫn còn khoảng cách chênh lệch về kết quả xây dựng nông thôn mới giữa các vùng trong tỉnh: về số xã đạt chuẩn nông thôn mới, tiêu chí bình quân/xã, mức độ đạt thấp đối với một số tiêu chí như thu nhập, hộ nghèo, tổ chức sản xuất¹¹; nhóm xã dưới 10 tiêu chí tập trung ở các xã đặc biệt khó khăn. Việc duy trì, giữ vững chất lượng một số tiêu chí như: Thu nhập, Y tế (*tỷ lệ người dân tham gia BHYT*), Tổ chức sản xuất, Môi trường, An ninh trật tự ... ở những xã được công nhận đạt chuẩn vẫn còn khó khăn, nhất là những xã thuần nông và còn nhiều khó khăn để xây dựng xã nông thôn mới nâng cao, xã nông thôn mới kiểu mẫu.

- Công tác tuyên truyền, vận động xây dựng nông thôn mới có lúc, có nơi chưa được toàn diện, thường xuyên, sâu rộng và có khi chững lại; nội dung, hình thức tuyên truyền chưa có nhiều đổi mới, chưa phát huy hết vai trò của người dân trong quá trình thực hiện Chương trình; còn một bộ phận người dân trông chờ, ỷ lại vào nhà nước.

- Cán bộ chuyên trách, phụ trách nông thôn mới ở cấp huyện, xã vẫn còn thiếu và không ổn định, ảnh hưởng đến việc theo dõi, tổng hợp, tham mưu cho lãnh đạo trong việc chỉ đạo, điều hành. Công tác phối hợp giữa các sở, ngành, địa phương chưa thật sự chặt chẽ, thường xuyên, đồng bộ. Một số Sở được phân công phụ trách, hỗ trợ xã đạt chuẩn hoặc phụ trách tiêu chí còn thiếu tích cực trong việc hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn, giúp địa phương trong quá trình thực hiện.

- Công tác huy động nguồn lực tương đối khó khăn, nhất là tại các xã đặc biệt khó khăn do thu nhập thấp, tỷ lệ hộ nghèo cao, cơ sở sản xuất kinh doanh nhỏ lẻ và trên địa bàn không có doanh nghiệp, Hợp tác xã; nguồn lực huy động cộng đồng dân cư còn hạn chế.

- Sản xuất tuy có chuyển biến nhưng quy mô sản xuất vẫn còn nhỏ lẻ, manh mún; việc nâng cao năng lực cơ giới hóa và áp dụng tiến bộ KHKT còn hạn chế;

¹¹ Huyện nghèo 30a Bắc Ái chưa có xã đạt chuẩn nông thôn mới và chưa có xã nào đạt được các tiêu chí về thu nhập, hộ nghèo

chưa tháo gỡ hết được những khó khăn về tiêu thụ sản phẩm. Việc củng cố, phát triển HTX tuy được nhiều địa phương quan tâm nhưng vẫn chưa đạt yêu cầu, vẫn còn nhiều xã chưa có HTX. Chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn chưa đáp ứng yêu cầu phát triển nông nghiệp hàng hóa, ứng dụng công nghệ cao. Số lượng lao động học nghề gắn với giải quyết việc làm tại doanh nghiệp chưa cao.

- Tình trạng thu gom, xử lý chất thải, nước thải ở một số địa phương vẫn còn hạn chế; vẫn còn một số xã thuộc khu vực miền núi chưa tổ chức thu gom rác thải; một số hoạt động như trồng cây xanh, vệ sinh môi trường...chưa được duy trì thường xuyên.

- Tình hình ANTT khu vực nông thôn vẫn còn diễn biến phức tạp và tiềm ẩn nhiều nguy cơ, đặc biệt là các vấn đề liên quan đến dân tộc, tôn giáo, an ninh nông thôn, tội phạm về ma túy ...ảnh hưởng đến sự ổn định xã hội.

Phần thứ hai

ĐỀ XUẤT THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIAI ĐOẠN 2021-2025

I. Mục tiêu

1. Mục tiêu tổng quát: Xây dựng nông thôn mới để đời sống vật chất và tinh thần của người dân nông thôn ngày một nâng cao, tiệm cận với khu vực đô thị; kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn đồng bộ, phù hợp và kết nối chặt chẽ với quá trình đô thị hóa; sản xuất nông nghiệp gắn với phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu; xã hội nông thôn dân chủ, bình đẳng, ổn định, giàu bản sắc văn hóa dân tộc; môi trường, cảnh quan, không gian nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp; hệ thống chính trị ở nông thôn được tăng cường; quốc phòng và an ninh trật tự được giữ vững.

2. Mục tiêu cụ thể:

- Cấp huyện: Có ít nhất 40% đơn vị cấp huyện (03 đơn vị) đạt chuẩn nông thôn mới.

- Cấp xã: 75% số xã (35 xã) đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó ít nhất 15 % số xã (07 xã) đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao và khoảng 5% số xã (02 xã) đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu; không còn xã dưới 10 tiêu chí theo Bộ Tiêu chí giai đoạn 2021-2025 (*dự kiến sẽ trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, ban hành trong năm 2020*).

- Cấp thôn: 85% số thôn vùng khó khăn được công nhận chuẩn nông thôn mới theo bộ tiêu chí thôn nông thôn mới.

- Các công trình hạ tầng thiết yếu (giao thông, thủy lợi, điện, nước, trường học, trạm y tế) đảm bảo đồng bộ, liên thông và ứng phó biến đổi khí hậu.

- Chất lượng cuộc sống của cư dân nông thôn được nâng cao, thu nhập bình quân của người dân nông thôn đến năm 2025 tăng ít nhất 1,8 lần so với năm 2020.

(Chi tiết theo Phụ biểu số 5.2)

II. Dự kiến nguồn lực và khả năng huy động nguồn lực thực hiện chương trình trung hạn giai đoạn 2021-2025

Dự kiến tổng nhu cầu vốn để hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình giai đoạn 2021-2025 là 4.165 tỷ đồng. Trong đó:

- Ngân sách trung ương: 500 tỷ đồng.
- Ngân sách địa phương: 500 tỷ đồng.
- Vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án khác: 1.250 tỷ đồng
- Vốn tín dụng: 1.083 tỷ đồng.
- Vốn doanh nghiệp, HTX, tổ chức kinh tế: 416 tỷ đồng.
- Vốn huy động từ người dân và cộng đồng: 416 tỷ đồng.

III. Một số nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu để thực hiện

1. Tiếp tục phát động và nâng cao chất lượng các phong trào thi đua xây dựng nông thôn mới; đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền, nâng cao nhận thức để cán bộ và nhân dân hiểu đầy đủ bản chất nhân văn của xây dựng nông thôn mới; quán triệt tư tưởng “*Xây dựng nông thôn mới có điểm khởi đầu nhưng không có điểm kết thúc*”.

2. Tập trung chỉ đạo các địa phương rà soát, thực hiện mục tiêu chương trình năm 2020 và giai đoạn 2021-2025; xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện theo hướng rõ mục tiêu, rõ việc, gắn sát với điều kiện thực tiễn của địa phương; ưu tiên nguồn lực để hỗ trợ các huyện, xã phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới, chuẩn nông thôn mới nâng cao, khu dân cư kiểu mẫu hàng năm.

3. Đối với các xã, huyện đã đạt chuẩn nông thôn mới, tập trung chỉ đạo xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu; đồng thời xác định nội dung, giải pháp thực hiện, bảo đảm giữ vững chất lượng tiêu chí. Hỗ trợ, thúc đẩy các xã miền núi, đặc biệt khó khăn tiệm cận với quy định đạt chuẩn các tiêu chí nông thôn mới hiện hành.

4. Tiếp tục nghiên cứu và xây dựng cơ chế chính sách hỗ trợ xây dựng nông thôn mới theo hướng lồng ghép các chương trình, dự án trên địa bàn nông thôn với chương trình xây dựng nông thôn mới nhằm thống nhất cơ chế triển khai thực hiện các nội dung của chương trình, góp phần nâng cao hiệu quả đầu tư các nguồn lực, đảm bảo không chồng chéo, lãng phí nguồn lực.

5. Chú trọng phát huy vai trò của chính quyền cấp huyện, nhất là trong chuyển đổi cơ cấu sản xuất, xây dựng các mô hình sản xuất quy mô lớn, phát triển các sản phẩm thế mạnh của địa phương theo chương trình “*Mỗi xã một sản phẩm*”, các chuỗi liên kết sản xuất hỗ trợ nông dân, công tác bảo vệ môi trường (nhất là xử lý chất thải rắn, nước thải ...), kết nối giữa nông thôn và thành thị.

6. Tăng cường thực hiện hiệu quả các giải pháp huy động nguồn lực thực hiện chương trình (thực hiện lồng ghép, thống nhất cơ chế đầu tư, hỗ trợ; có chính sách hỗ trợ cho các đơn vị cấp huyện phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới; đơn vị cấp xã, thôn đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu...); khuyến

khích các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn và vận động nhân dân tiếp tục đóng góp kinh phí, ngày công lao động, hiến đất ... xây dựng nông thôn mới.

7. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát trong xây dựng nông thôn mới; chú trọng quản lý chặt chẽ việc sử dụng các nguồn lực thực hiện chương trình; tiếp tục phát huy vai trò giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận tổ quốc, các tổ chức chính trị-xã hội và giám sát của cộng đồng dân cư đối với xây dựng nông thôn mới.

8. Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ đạo các cấp; tăng cường công tác phối hợp giữa các cấp, các ngành trong việc tham gia thực hiện Chương trình, gắn các chỉ tiêu của Chương trình vào nhiệm vụ, kế hoạch hoạt động của các ban ngành, địa phương. Các Sở, ban, ngành theo sự phân công của UBND tỉnh về phụ trách địa bàn và phụ trách tiêu chí tăng cường chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn và hỗ trợ các huyện, xã phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch năm; củng cố hệ thống bộ máy giúp việc các cấp theo hướng chuyên nghiệp hóa, chuyên môn hóa, đồng thời nghiên cứu, đổi mới nâng cao năng lực và hiệu quả tham mưu.

Phần thứ ba

ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đề nghị các Bộ: Nông nghiệp và PTNT, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính nghiên cứu, đề xuất mức phân bổ cụ thể nguồn lực từ ngân sách nhà nước để đảm bảo bố trí đủ cho các địa phương khó khăn (*không quy định theo hệ số phân bổ và tỷ lệ đối ứng 1:1 như hiện nay*), trong đó cần ưu tiên tập trung hỗ trợ cho các xã, thôn đặc biệt khó khăn trong xây dựng nông thôn mới; hỗ trợ một số nội dung trọng tâm để thúc đẩy phát triển, nâng cao thu nhập, đặc biệt là Chương trình Mỗi xã một sản phẩm.

2. Đề nghị các Bộ phụ trách tiêu chí xem xét sửa đổi, bổ sung một số tiêu chí trong Bộ Tiêu chí về xã nông thôn mới. Cụ thể:

- Cần sắp xếp lại một số tiêu chí để vừa phù hợp với nội dung vừa thuận tiện khi thống kê số liệu chuyên môn như: nhập chung tiêu chí số 5- Trường học với tiêu chí số 14 - Giáo dục và Đào tạo (*nội dung 14.1 và 14.2*); nhập nội dung 14.3 - Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo nhập chung với tiêu chí số 12 - Lao động có việc làm; nhập chung tiêu chí số 6 - Cơ sở vật chất văn hóa và tiêu chí số 16 - Văn hóa.

- Tiêu chí 18.3 - Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn "trong sạch, vững mạnh": Theo quy định tại tiết a, điểm 1.3, khoản B, Mục II Hướng dẫn số 16-HD/BTCTW ngày 24/9/2018 của Ban Tổ chức Trung ương Đảng về kiểm điểm, đánh giá, xếp loại chất lượng hàng năm đối với tổ chức đảng, đảng viên và tập thể, cá nhân cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp thì *Cấp có thẩm quyền chỉ xem xét, quyết định số lượng tổ chức đảng được xếp loại "Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ" không vượt quá 20% số tổ chức đảng cùng cấp trực thuộc được xếp, loại "Hoàn thành tốt nhiệm vụ" của từng đảng bộ*. Trong khi đó theo yêu cầu của tiêu

chí thì Đảng bộ, chính quyền xã phải đạt tiêu chuẩn “ trong sạch, vững mạnh” nghĩa là phải “ Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ”. Như vậy trong thực tế khi xét, đánh giá nhiều xã sẽ không đạt tiêu chí này do vướng quy định về tỷ lệ và đặc biệt là đối với các huyện phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới thì phải có 100% số xã đạt chuẩn nông thôn mới (đồng nghĩa với 100% Đảng bộ xã phải “ Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ”).

- Tiêu chí 19.2 – Xã đạt chuẩn an toàn về An ninh, trật tự xã hội: Đề nghị bỏ quy định “không để xảy ra trọng án” vì thực tế khó thực hiện, đôi khi mang tính khách quan và nội dung này không thể hiện, phản ánh hết cả quá trình dài thực hiện an ninh trật tự trên địa bàn của Đảng ủy, chính quyền và nhân dân xã.

- Đối với các tiêu chí thu nhập, hộ nghèo: Đề nghị phân cấp cho UBND cấp tỉnh quy định cho phù hợp với điều kiện thực tế vùng, miền hoặc có quy định cá biệt cho những xã đặc biệt khó khăn, xã thuộc huyện nghèo 30a (có thể áp dụng tương tự như các địa phương vùng trung du miền núi phía Bắc) để đảm bảo tính khả thi trong quá trình thực hiện

3. Đề nghị Bộ Nội vụ phối hợp các Bộ, ngành Trung ương nghiên cứu, đổi mới mô hình tổ chức Văn phòng điều phối nông thôn mới các cấp theo hướng chuyên trách; giảm thành viên kiêm nhiệm và chuyển sang hướng biệt phái, luân phiên một số thành viên sang hoạt động trong một thời gian nhất định để nâng cao hiệu quả tham mưu, giúp việc.

Trên đây là Báo cáo tổng kết, đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn năm 2016-2020 và đề xuất định hướng chương trình giai đoạn 2021-2025.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- Sở Kế hoạch và Đầu tư (t/h);
- Giám đốc, PGD Sở: Phan Quang Thụ;
- VP Điều phối NTM tỉnh;
- Lưu VT, KH. (b/tnam).



Đặng Kim Cương

CÁC CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH DO TỈNH BAN HÀNH
ĐỂ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2016-2019
 (Kèm theo Báo cáo số 276/BC-SNNPTNT ngày 20/5/2020 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TT	Loại văn bản	Số, ngày, tháng ban hành	Trích yếu	Mục tiêu	Nội dung chủ yếu của cơ chế chính sách	Ghi chú
1	Quyết định	58/QĐ-UBND ngày 16/3/2017	Danh mục loại dự án được áp dụng cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng các chương trình MTQG giai đoạn 2016-2020	Đơn giản hóa thủ tục XD CB đối với các công trình xây dựng có qui mô nhỏ, kỹ thuật đơn giản	Qui định danh mục các loại dự án được áp dụng cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng	
2	Công văn	1341/UBND-KGVX ngày 17/4/2017	Về việc hướng dẫn khen thưởng phong trào thi đua "Toàn dân chung sức xây dựng nông thôn mới" giai đoạn 2016-2020	Hướng dẫn về khen thưởng cho các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong xây dựng NTM.	Hướng dẫn tiêu chuẩn các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng và thủ tục trình khen thưởng	
3	Quyết định	41/2017/QĐ-UBND ngày 31/5/2017	Bàn hành Bộ Tiêu chí xã nông thôn mới và Quy định việc đánh giá, công nhận và công bố xã đạt chuẩn nông thôn mới vùng nông thôn tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2017-2020	Làm cơ sở để các địa phương đánh giá, xác định kết quả thực hiện Chương trình nông thôn mới và qui trình, thủ tục hồ sơ công nhận xã đạt chuẩn NTM	- Qui định về nội dung, chỉ tiêu và phương pháp đánh giá Bộ tiêu chí nông thôn mới. - Trình tự, thủ tục công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới	
4	Quyết định	65/2017/QĐ-UBND ngày 15/8/2017	Ban hành Đề án chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn tỉnh	Giúp nâng cao hiệu quả sản xuất, khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm, góp phần nâng cao thu nhập cho người dân	Hỗ trợ nhân rộng tưới tiết kiệm nước; Chuyển đổi lúa nước kém hiệu quả sang cây nhỏ, cây táo, cây trồng cạn; Phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm, canh đồng lớn; Áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt.	
5	Quyết định	1778/QĐ-UBND ngày 12/9/2017	Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Bộ Thiết kế mẫu phục vụ Chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh	Phục vụ cho việc xây dựng các công trình theo cơ chế đầu tư đặc thù	Thiết kế mẫu và suất đầu tư các công trình theo thiết kế mẫu.	

TT	Loại văn bản	Số, ngày, tháng ban hành	Trích yếu	Mục tiêu	Nội dung chủ yếu của cơ chế chính sách	Ghi chú
6	Quyết định	110/2017/QĐ-UBND ngày 01/11/2017	Ban hành Quy định về cơ chế quản lý và phân cấp thực hiện các chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh	Tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; đảm bảo sự tham gia thực hiện, giám sát của cộng đồng trong quá trình thực hiện chương trình	Quy định về cơ chế quản lý, phân công, phân cấp trách nhiệm cho các Sở, ngành, địa phương trong việc quản lý, lập, phân bổ kế hoạch, tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát đánh giá và báo cáo kết quả thực hiện chương trình	
7	Quyết định	117/2017/QĐ-UBND ngày 02/11/2017	Quy định quản lý, sử dụng nguồn vốn huy động hợp pháp từ các tổ chức, doanh nghiệp và cộng đồng thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.	Làm cơ sở để quản lý, sử dụng nguồn vốn huy động hợp pháp từ các tổ chức, doanh nghiệp và cộng đồng thực hiện chương trình xây dựng NTM	Quy định chế độ, phương thức quản lý, sử dụng nguồn vốn huy động hợp pháp ngoài NSNN thực hiện các chương trình MTQG giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.	
8	Quyết định	28/QĐ-UBND ngày 08/01/2018	Ban hành tiêu chí đánh giá hoạt động Nhà văn hóa- Khu thể thao thôn trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận	Nâng cao hiệu quả hoạt động Nhà văn hóa- Khu thể thao thôn	Quy định các tiêu chí đánh giá hoạt động	
9	Quyết định	29/QĐ-UBND ngày 08/01/2018	Ban hành tiêu chí đánh giá hoạt động Trung tâm văn hóa- thể thao xã trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận	Nâng cao hiệu quả hoạt động Trung tâm văn hóa- thể thao xã	Quy định các tiêu chí đánh giá hoạt động	
10	Quyết định	40/QĐ-UBND ngày 31/01/2018	Ban hành Bộ chỉ số theo dõi, giám sát, đánh giá thực hiện chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2017-2020	Hình thành hệ thống dữ liệu theo dõi, giám sát đánh giá chương trình	Quy định trách nhiệm của Sở, ngành, địa phương trong việc cập nhật thông tin, theo dõi, tổng hợp và báo cáo theo đúng tần suất qui định đối với từng loại chỉ số	

TT	Loại văn bản	Số, ngày, tháng ban hành	Trích yếu	Mục tiêu	Nội dung chủ yếu của cơ chế chính sách	Ghi chú
11	Quyết định	43/2018/QĐ-UBND ngày 26/6/2018	Ban hành Bộ Tiêu chí và tiêu chuẩn đánh giá, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2018-2020	Làm cơ sở để các xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới tiếp tục phấn đấu phân đầu nâng cao chất lượng tiêu chí, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững.	- Qui định phạm vi điều chỉnh, đối tượng; tiêu chí và tiêu chuẩn đánh giá, công nhận xã nông thôn mới nâng cao.	
12	Quyết định	1493/QĐ-UBND ngày 10/9/2018	Công nhận bộ tiêu chí đánh giá và phê duyệt danh mục 12 sản phẩm đặc thù tỉnh giai đoạn 2018-2020 và sản phẩm tiềm năng hướng đến sản phẩm đặc thù	Quảng bá phục vụ công tác xúc tiến thương mại, hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm đặc thù, tiềm năng hướng đến sản phẩm đặc thù của tỉnh	Đánh giá và phê duyệt danh mục 12 sản phẩm đặc thù tỉnh giai đoạn 2018-2020 và sản phẩm tiềm năng hướng đến sản phẩm đặc thù	
13	Quyết định	59/QĐ-UBND ngày 14/01/2019	Phê duyệt Đề án "Chương trình Mỗi xã một sản phẩm" tỉnh Ninh Thuận, giai đoạn 2018-2020, định hướng đến năm 2030	Góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, thực hiện lại cơ cấu sản xuất nông nghiệp nhằm phát triển kinh tế khu vực nông thôn; thực hiện có hiệu quả nhóm tiêu chí "Kinh tế và Tổ chức sản xuất" trong Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020	Qui định phạm vi, đối tượng, nguyên tắc, giải pháp và chính sách hỗ trợ thực hiện Đề án	
14	Quyết định	84/2018/QĐ-UBND ngày 27/9/2018	Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Đề án về chính sách hỗ trợ nhân rộng các mô hình sản xuất có hiệu quả, gắn với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận đến năm 2020	Bổ sung, điều chỉnh đề phù hợp với thực tiễn	Bổ sung một số đối tượng cây trồng, vật nuôi hỗ trợ và đơn giá một số đối tượng hỗ trợ có biến động tăng	

TT	Loại văn bản	Số, ngày, tháng ban hành	Trích yếu	Mục tiêu	Nội dung chủ yếu của cơ chế chính sách	Ghi chú
15	Quyết định	11/2019/QĐ-UBND ngày 11/02/2019	Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Đề án chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 65/2017/QĐ-UBND ngày 15/8/2017 của UBND tỉnh	Bổ sung, điều chỉnh để phù hợp với thực tiễn	Sửa đổi, bổ sung một số nội dung, mức hỗ trợ, đối tượng của Đề án chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn giai đoạn 2017-2020	
16	Quyết định	14/2019/QĐ-UBND ngày 15/02/2019	Ban hành Quy định một số nội dung hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2019-2022	Giúp hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông nông thôn phát triển du lịch gắn với xây dựng nông thôn mới ở địa phương	Quy định phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, nội dung, mức hỗ trợ, nguồn vốn thực hiện đề hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng	
17	Quyết định	30/2019/QĐ-UBND ngày 15/7/2019	Ban hành Bộ tiêu chí và tiêu chuẩn đánh giá, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2019-2020	Làm cơ sở để các xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao tiếp tục tập trung nâng cao chất lượng các tiêu chí, hướng đến xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu.	Quy định phạm vi điều chỉnh, đối tượng; tiêu chí và tiêu chuẩn đánh giá, công nhận xã nông thôn mới kiểu mẫu.	
18	Quyết định	279/QĐ-UBND ngày 18/7/2019	Ban hành Bộ tiêu chí và Quy định việc đánh giá, công nhận, công bố Thôn đạt chuẩn "Thôn nông thôn mới" - "Thôn nông thôn mới kiểu mẫu" trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2019-2020	Làm cơ sở để các thôn đánh giá, xác định kết quả thực hiện Chương trình nông thôn mới và qui trình, thủ tục hồ sơ công nhận thôn đạt chuẩn "Thôn nông thôn mới", "Thôn nông thôn mới kiểu mẫu"	<ul style="list-style-type: none"> - Qui định về nội dung, chỉ tiêu và phương pháp đánh giá Bộ tiêu chí "Thôn nông thôn mới", "Thôn nông thôn mới kiểu mẫu" - Trình tự, thủ tục công nhận thôn đạt chuẩn "Thôn nông thôn mới", "Thôn nông thôn mới kiểu mẫu" 	

**KẾT QUẢ ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2016-2020
VÀ DỰ KIẾN MỤC TIÊU GIAI ĐOẠN 2021-2025**
(Kèm theo Báo cáo số 276/BC-SNNPTNT ngày 20/5/2020 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TT	Đối tượng	ĐVT	Tính đến 31/12/2019	Dự kiến đến 31/12/2020	Dự kiến mục tiêu 2021-2025	Ghi chú
I	Cấp xã					
1	Tổng số xã		47	47	47	
2	Số xã đạt 19 tiêu chí	xã	17	28	35	
	Trong đó: Số xã đã có Quyết định công nhận đạt chuẩn	xã	16	28	35	Có 08 xã đã đạt chuẩn theo Bộ Tiêu chí cũ giai đoạn 2010-2015 và 08 xã đạt chuẩn theo Bộ Tiêu chí mới giai đoạn 2016-2020. Một xã (Vĩnh Hải) đạt 19 tiêu chí nhưng chưa có QĐ công nhận
3	Số xã theo nhóm tiêu chí	xã	30	19	12	
-	Số xã đạt từ 15-18 tiêu chí	xã	12	6	12	Có 09 xã đã đạt chuẩn NTM năm trong nhóm này
-	Số xã đạt 10-14 tiêu chí	xã	12	13	0	
-	Số xã dưới 10 tiêu chí	xã	6	0	0	
4	Số xã được công nhận đạt chuẩn nâng cao	xã		5	7	
5	Số xã được công nhận đạt chuẩn kiểu mẫu	xã			2	
II	Đơn vị cấp huyện		0	2	3	
1	Đơn vị cấp huyện đạt chuẩn, hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới	huyện		2	3	
2	Trong đó: Đã có quyết định công nhận					
3	Đơn vị cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao					
	Đơn vị cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu					
III	Cấp thôn, bản, ấp, khu dân cư		0	7	100	
1	Số thôn, bản, ấp đạt chuẩn nông thôn mới	thôn		7	100	

TT	Đối tượng	ĐVT	Tính đến 31/12/2019	Dự kiến đến 31/12/2020	Dự kiến mục tiêu 2021-2025	Ghi chú
	Trong đó:					
-	Số lượng thôn, bản, ấp đã có Quyết định công nhận theo Quyết định số 1385/QĐ-TTg ngày 21/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ	thôn		5	9	
-	Số lượng thôn, bản, ấp đã có quyết định đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu			2		
2	Số lượng khu dân cư đạt chuẩn nông thôn mới theo Bộ tiêu chí của tỉnh ban hành (nếu có)					
	Trong đó					
-	Số lượng khu dân cư đã có Quyết định công nhận đạt chuẩn					
-	Số lượng khu dân cư đã có Quyết định công nhận đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu					
IV	Một số chỉ tiêu cơ bản					
1	Thu nhập bình quân khu vực nông thôn/người/năm	triệu đồng	25,08	27,60	30,36	
2	Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều)	%	9,21	8,57	7,97	
3	Tỷ lệ người dân tham gia BHYT	%	91,37	90,00	90,00	
4	Tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn Quốc gia	%	71,00	74,55	78,28	

Phụ biểu số 03

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTCQ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI THEO NỘI DUNG TIÊU CHÍ GIAI ĐOẠN 2016-2020 VÀ DỰ KIẾN MỤC TIÊU GIAI ĐOẠN 2021-2025 VÀ DỰ KIẾN MỤC TIÊU GIAI ĐOẠN 2021-2025
(Kèm theo Báo cáo số 276/BC-SNNPTNT ngày 20/5/2020 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TT	Tiêu chí	Chỉ tiêu	Tỷ lệ xã đạt các nội dung tiêu chí		Dự kiến mục tiêu 2021-2025
			Tính đến 31/12/2019	Dự kiến đến 31/12/2020	
1	Quy hoạch	1.1. Xã có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt và được công bố công khai đúng thời hạn 1.2. Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch	100,00	100,00	100,00
2	Giao thông	2.1. Đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm 2.2. Đường trục thôn, bản, ấp và đường liên thôn, bản, ấp ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh 2.3. Đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa 2.4. Đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm	89,36	93,62	95,74
3	Thủy lợi	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên 3.2. Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ	97,87	--	--
4	Điện	4.1. Hệ thống điện đạt chuẩn 4.2. Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn	91,49	97,87	100,00
			100,00	100,00	100,00
			100,00		
			100,00		

TT	Tiêu chí	Chỉ tiêu	Tỷ lệ xã đạt các nội dung tiêu chí		Dự kiến mục tiêu 2021-2025
			Tính đến 31/12/2019	Dự kiến đến 31/12/2020	
5	Trường học		74,47	85,11	100,00
		Tỷ lệ trường học các cấp: mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt	74,47		
6	Cơ sở vật chất văn hóa		78,72	89,36	100,00
		6.1. Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã	85,11		
		6.2. Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định	82,98		
		6.3. Xã có tỷ lệ thôn, bản, ấp có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng	87,23		
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn		91,49	93,62	100,00
		Xã có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa	91,49		
8	Thông tin và Truyền thông		100,00	100,00	100,00
		8.1. Xã có điểm phục vụ bưu chính	100,00		
		8.2. Xã có dịch vụ viễn thông, internet	100,00		
		8.3. Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn	100,00		
		8.4. Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành	100,00		
9	Nhà ở cư dân		74,47	78,72	97,87
		9.1. Không có nhà tạm, dột nát	78,72		
		9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn theo quy định	80,85		
10	Thu nhập		55,32	63,83	80,85
		Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn đến năm 2020 (triệu đồng/người)	55,32		

TT	Tiêu chí	Chỉ tiêu	Tỷ lệ xã đạt các nội dung tiêu chí		Dự kiến mục tiêu 2021-2025
			Tính đến 31/12/2019	Dự kiến đến 31/12/2020	
11	Hộ nghèo		53,19	65,96	78,72
12	Lao động có việc làm	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020	53,19		
13	Tổ chức sản xuất	Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động	97,87	97,87	100,00
14	Giáo dục và Đào tạo	13.1. Xã có hợp tác xã hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012 13.2. Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững 14.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; phổ cập giáo dục trung học (phổ thông, bổ túc, trung cấp) 14.2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, trung cấp) 14.3. Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo	70,21	82,98	93,62
15	Y tế	15.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế 15.2. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế 15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)	76,60		
16	Văn hóa	Tỷ lệ thôn, bản, ấp đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định	93,62	93,62	100,00
			78,72	87,23	97,87
			97,87		
			91,49		
			91,49		
			82,98	87,23	100,00
			82,98		

TT	Tiêu chí	Chỉ tiêu	Tỷ lệ xã đạt các nội dung tiêu chí		Dự kiến mục tiêu 2021-2025
			Tính đến 31/12/2019	Dự kiến đến 31/12/2020	
17	Môi trường và an toàn thực phẩm	<p>17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định</p> <p>17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường</p> <p>17.3. Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn</p> <p>17.4. Mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch</p> <p>17.5. Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất - kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định</p> <p>17.6. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch</p> <p>17.7. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường</p> <p>17.8. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm</p>	65,96	≈ 80,85	89,36
18	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	<p>18.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn</p> <p>18.2. Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định</p> <p>18.3. Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn "trong sạch, vững mạnh"</p> <p>18.4. Tổ chức chính trị - xã hội của xã đạt loại khá trở lên</p> <p>18.5. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định</p> <p>18.6. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong</p>	72,34	76,60	89,36
			97,87		
			85,11		
			97,87		
			97,87		
			87,23		

TT	Tiêu chí	Chi tiêu	Tỷ lệ xã đạt các nội dung tiêu chí	
			Tính đến 31/12/2019	Dự kiến đến 31/12/2020
19	Quốc phòng và An ninh		82,98	100,00
		19.1. Xây dựng lực lượng dân quân "vững mạnh, rộng khắp" và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng	97,87	
		19.2. Xã đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên: không có khiếu kiện đông người kéo dài;	87,23	100,00

1
P

1
P

1
P

1
P

1
P

1

1

1

1

1

1

110
210

110
210

110
210

110
210

110
210

110
210

Phụ biểu số 4

**KẾT QUẢ PHÂN BỐ, BỔ TRÍ NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2016-2020
VÀ DỰ KIẾN NHU CẦU CHO GIAI ĐOẠN 2021-2025**

(Kèm theo Báo cáo số 276/BC-SNNPTNT ngày 20/5/2020 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

4.1. Kết quả phân bổ vốn đầu tư phát triển và trái phiếu Chính phủ thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới

TT	Nội dung đầu tư cơ sở hạ tầng	Tính đến 31/12/2019	Dự kiến đến 31/12/2020	ĐVT: Triệu đồng	
				Dự kiến nhu cầu giai đoạn 2021- 2025	
	TỔNG CỘNG	166.110	236.700	405.000	
1	Hệ thống giao thông	107.794			
2	Hệ thống thủy lợi	11.214			
3	Hệ thống điện	4.998			
4	Hệ thống trường học	12.410			
5	Hệ thống cơ sở vật chất văn hóa	17.660			
6	Hệ thống cơ sở hạ tầng thương mại	2.189			
7	Hệ thống trạm y tế	1.790			
8	Thông tin và truyền thông cơ sở	3.510			
8	Hệ thống công trình cung cấp nước sạch				
9	Các công trình xử lý môi trường				
10	Nội dung khác	4.545			

Ghi chú: Kế hoạch năm 2020 đã phân bổ tổng số cho các huyện, thành phố; chưa phân theo chi tiết danh mục công trình cụ thể

4.2. Kết quả phân bổ nguồn vốn sự nghiệp thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới

TT	Nội dung hỗ trợ	Tính đến 31/12/2019	Dự kiến đến 31/12/2020	Dự kiến nhu cầu giai đoạn 2021- 2025
	TỔNG CỘNG	56.500	86.000	95.000
1	Nội dung thành phần số 1: Quy hoạch xây dựng nông thôn mới	1.500	1.500	
2	Nội dung thành phần số 2: Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội	3.930	11.430	24.300
3	Nội dung thành phần số 3: Phát triển sản xuất gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, nâng cao thu nhập cho người dân	42.420	59.083	50.700
4	Nội dung thành phần số 4: Giảm nghèo và an sinh xã hội			
5	Nội dung thành phần số 5: Phát triển giáo dục ở nông thôn.	735	2.882	10.000
6	Nội dung thành phần số 6: Phát triển y tế cơ sở, nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe người dân nông thôn.			
7	Nội dung số 7: Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn	308	308	
8	Nội dung thành phần số 8: Vệ sinh môi trường nông thôn, khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường tại các làng nghề	1.889	2.289	5.000
9	Nội dung thành phần số 9: Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể chính trị - xã hội trong xây dựng NTM; cải thiện và nâng cao chất lượng dịch vụ hành chính công; bảo đảm và tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân.	525	825	

10	Nội dung thành phần số 10: Giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội nông thôn			
11	Nội dung thành phần số 11 - Nâng cao năng lực xây dựng nông thôn mới và công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; truyền thông về xây dựng NTM	5.193	7.683	5.000

4.3. Kết quả huy động nguồn lực thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới

TT	Nội dung chi tiêu	Tính đến 31/12/2019	Dự kiến đến 31/12/2020	Dự kiến nhu cầu giai đoạn 2021- 2025
	TỔNG SỐ	1.990.722	2.842.722	4.165.000
I	Ngân sách Trung ương	222.610	376.700	500.000
1	Đầu tư phát triển (bao gồm vốn TCPC và vốn nước ngoài hòa đồng NSNN)	166.110	290.700	405.000
2	Sự nghiệp	56.500	86.000	95.000
II	Ngân sách địa phương	347.277	501.367	500.000
III	Vốn lồng ghép	868.867	952.296	1.250.000
IV	Vốn tín dụng*	356.096	739.442	1.083.000
V	Vốn doanh nghiệp, Hợp tác xã và các tổ chức, loại hình kinh tế khác	178.720	224.947	416.000
VI	Cộng đồng dân cư	17.152	47.970	416.000
1	Tiền mặt	17.152	47.970	
2	Ngày công và hiện vật quy đổi			

